

1

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân phường N1, quận S, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 117 đường V, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1937, địa chỉ: Tổ 14, phường N1, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

- Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1950. Địa chỉ: 218 đường K, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1970. Địa chỉ: 139 đường N2, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 39 đường N3, phường N1, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Ánh Ng**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Lô 15, đường D, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

Người có kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20-01-2019, người khởi kiện ông Lê Văn M trình bày: Nguyên lô đất B2.9-26 khu dân cư A4 là tài sản thừa kế của gia đình ông M sau khi Nhà nước di dời, giải tỏa, bố trí tái định cư. Ông Phan Văn S làm thủ tục khởi kiện đòi chia thừa kế đối với lô đất này trong các năm qua. Tuy nhiên, Tòa án các cấp đã phán quyết tài sản này thuộc quyền thừa kế của ông M. Trong quá trình xét xử theo yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S thì ông Nguyễn Văn Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã xuất gia tu hành nên ông Đ1 có bút phê vào giấy triệu tập của Tòa án là không tham gia vào quá trình xét xử vụ án.

Thời gian vừa qua do yêu cầu và hướng dẫn hành chính của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận S liên quan đến ông Nguyễn Văn Đ1, ông M đã mời ông Nguyễn Văn Đ1 đích thân đến Ủy ban nhân dân phường N1 và Ủy ban nhân dân quận S xác thực nhân thân, chữ ký đồng thời ông Nguyễn Văn Đ1 cũng có làm giấy đề nghị từ chối thừa kế đối với tài sản là lô đất nói trên. Tuy nhiên các cấp, chính quyền Ủy ban nhân dân phường N1 và Ủy ban nhân dân quận S đều từ chối và không tiến hành các thủ tục liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M.

Vì vậy, ông Lê Văn M khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận S

tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M đối với lô đất B2.9/26 khu dân cư A4.

Theo Văn bản số 990/UBND-TNMT ngày 27-5-2019, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận S ông Nguyễn Thành Nam trình bày:

Ông Lê Văn M có nộp hồ sơ tại Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 2 (ban giải phóng mặt bằng quận S), đến ngày 17-8-2018 Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 2 có tờ trình số 1420/TTr-CN2 trình và kèm theo hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đề nghị lập thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) đối với lô đất có ký hiệu 26.B2-9 Khu dân cư A4, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng do Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 2 chuyển đến.

Đến ngày 10-9-2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S có tờ trình số 592/TTr-CNVPĐKĐĐST gửi phòng Tài nguyên và Môi trường quận S đề nghị tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định giao đất đối với lô đất có ký hiệu 26.B2/9 Khu dân cư A4, phường A, quận S cho ông Lê Văn M. Qua kiểm tra hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, do đó Phòng Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 513/TNMT ngày 11-9-2018 chuyển trả lại hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S để rà soát lại hồ sơ nhằm đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, sau đó tại Quyết định giám đốc thẩm số 354/2009/DS-GĐT ngày 12-8-2009 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy bản án dân sự phúc thẩm số 32/2007/DS-PT và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 28/2007/DSST ngày 23-3-2007. Sau đó, Tòa án nhân dân quận S đã ban hành Quyết định số 65/2010/QĐST-DS ngày 07-7-2010 về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự “tranh chấp thừa kế” giữa nguyên đơn là ông Phan Văn S, bị đơn là ông Lê Văn M. Tiếp đó, các hàng thừa kế của bà Huỳnh Thị C (chết) đã thống nhất lập tờ khai di sản thừa kế và thỏa thuận di sản để lại cho ông Lê Văn M đối với 02 lô đất nêu trên. Tại hồ sơ thừa kế có thể hiện tên của bà Phan Thị T1 nhưng bà T1 không ký. Không chấp nhận bản án, bà Phan Thị T1 (con riêng ông Y) tiếp tục khởi kiện. Theo đó, ngày 26-9-2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành bản án số 58/2017/DS-ST quyết định không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T1 đối với ông Lê Văn M về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan Văn Y là $\frac{1}{2}$ giá trị 02 lô đất số 01-B1.9 và 26-B2.9 tại Khu dân cư A4, quận S, thành phố Đà Nẵng, không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số CC 906612 đứng tên ông Lê Văn M. Ngày 15-3-2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng đã có Bản án số 38/2018/DS-PT quyết định không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà

Năng. Trong đó, tại phần nhận định của Tòa án đã nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xác định rằng: Giá trị quyền sử dụng đất các lô 01-B1.9 và 26-B2/9 tại Khu dân cư A4 không phải là tài sản chung của các cụ Phan Văn Y và Huỳnh Thị C là có căn cứ.

Qua kiểm tra hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường quận S nhận thấy:

Tại tờ khai di sản thừa kế và Tờ thỏa thuận thừa kế tài sản của cụ Huỳnh Thị C (chết) để lại lập tại Ủy ban nhân dân phường N1 có thể hiện con của cụ Huỳnh Thị C (chết 1998) là bà Phan Thị Đ2 chết ngày 18-01-1999. Đồng thời, thể hiện những người thừa kế thế vị của bà Đ2 gồm: Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ánh Ng. Tuy nhiên, bà Đ2 chết năm 1999, tức là chết sau cụ Chi. Do đó, trường hợp này thuộc trường hợp thừa kế của những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã chết (những người thừa kế của bà Đ2 bao gồm: chồng, các con của bà Đ2). Như vậy, việc kê khai tại Tờ khai di sản thừa kế và Tờ thỏa thuận thừa kế thiếu hàng thừa kế của bà Phan Thị Đ2 (chết) là ông Nguyễn Văn Đ1 (chồng của bà Đ2). Do đó, việc cấp Giấy chứng nhận cho ông Lê Văn M đối với lô đất nêu trên trên cơ sở tờ khai di sản thừa kế và Tờ thỏa thuận thừa kế lập tại Ủy ban nhân dân phường N1 ngày 18-8-2010 là chưa đúng quy định pháp luật.

Do đó, Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn M là không đủ điều kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường N1 trình bày:*

Ngày 18-8-2010, Ủy ban nhân dân phường có tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phân chia di sản thừa kế phần tài sản của cụ Huỳnh Thị C (chết), trong đó các đồng thừa kế của cụ Chi đã đồng ý để lại cho ông Lê Văn M thừa kế về nhà ở và đất ở tại lô 18 phường N1. Ủy ban nhân dân phường đã tiếp nhận giải quyết hồ sơ thừa kế, thỏa thuận đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Ngày 06-8-2018, ông Lê Văn M đến Ủy ban nhân dân phường trình bày và đề nghị chứng thực chữ ký của ông Nguyễn Văn Đ1 vào đơn xin xác nhận (do ông Đ1 đứng tên) có nội dung: “Thống nhất để lại phần tài sản thừa kế là 02 lô đất tái định cư số B1.9/01 và B2.9/26 tại khu dân cư A4 (mà ông Đ1 được hưởng trong phần tài sản thừa kế của vợ ông là bà Phan Thị Đ2) cho ông Lê Văn M toàn quyền định đoạt và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Xét thấy, nội dung yêu cầu chứng thực không thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ nên Ủy ban nhân dân phường từ chối giải quyết và có văn bản trả lời cụ thể cho ông Nguyễn Văn Đ1. Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường là: Hồ sơ tài sản thừa kế nhà ở và đất ở của cụ Huỳnh Thị C, Ủy ban nhân dân phường đã làm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục về công tác chứng thực chữ ký. Việc kê khai không đầy đủ các hàng thừa kế trong tờ

khai di sản thừa kế và từ thỏa thuận được các đồng thừa kế cam kết đã kê khai đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đối với việc chứng thực chữ ký của ông Đ1 là không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường và Ủy ban nhân dân phường đã có văn bản trả lời cho ông Đ1. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân phường N1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kiểm tra, đối chiếu và so sánh hồ sơ khai nhận thừa kế có trong hồ sơ vụ án và hồ sơ lưu trữ tại địa phương có sự khác nhau ở một số chi tiết.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 19-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ các Điều 98, Điều 99 và Điều 100 Luật đất đai 2013.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tổ tụng Hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M về việc buộc Ủy ban nhân dân quận S phải thực hiện việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất tái định cư số B2.9-26, Khu dân cư A4 cho ông.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23-9-2019, người khởi kiện ông Lê Văn M kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn M. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 19-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền, nghĩa vụ liên quan; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng; văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường N1; các ông Nguyễn Văn Đ1, Phan Văn S, Nguyễn Văn C; các chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ánh Ng đều vắng mặt có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận S không tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M đối với lô đất B2.9-26 khu dân cư A4, quận S, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ đơn khởi kiện của ông Lê Văn M ngày 20-01-2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện vụ án là chính xác.

[3] Các đương sự thống nhất lô đất số B2.9/26, khu dân cư A4 là do Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng bố trí đất tái định cư cho hộ cụ Huỳnh Thị C (mẹ của ông M). Sau đó, ông Lê Văn M có đơn đề nghị lập thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi cho cấp có thẩm quyền. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô đất B2.9-26 của ông Lê Văn M thể hiện: Các đồng thừa kế cụ Huỳnh Thị C lập Tờ khai di sản thừa kế và Tờ thỏa thuận thừa kế tài sản của cụ Huỳnh Thị C đã đồng ý để lại cho ông Lê Văn M thừa kế về nhà, đất nêu trên nhưng con của cụ Huỳnh Thị C (chết 1998) là bà Phan Thị Đ2 (chết 1999) - chết sau cụ Huỳnh Thị C nên hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ2 là ông Nguyễn Văn Đ1 chưa ký tên vào Tờ khai di sản thừa kế và Tờ thỏa thuận thừa kế. Ngày 06-8-2018, ông Lê Văn M cùng ông Nguyễn Văn Đ1 đến Ủy ban nhân dân phường N1 để bổ sung nội dung từ chối nhận di sản của cụ Chi và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường xác thực chữ ký của ông Nguyễn Văn Đ1 nhưng Ủy ban nhân dân quận S không tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M.

Xét, tại điểm a, e, g khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ quy định: “*Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có thẩm quyền và trách nhiệm: Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch. Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản*” và các trường hợp không được chứng thực chữ ký: “*Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 24 của Nghị định này*” (khoản 4 Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

Biên bản làm việc ngày 30-12-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với ông Nguyễn Văn Đ1, thể hiện: Ông Nguyễn Văn Đ1 biết cụ Huỳnh Thị C có 01 lô đất bị giải tỏa và được cấp lô đất tái định cư số B2.9-26, nhưng ông Nguyễn Văn Đ1 từ chối được chia thừa kế. Điều này phù hợp với nội dung văn bản trước đây của ông Nguyễn Văn Đ1 tại “*Đơn bày tỏ ý kiến*” ngày 07-6-2019 ghi: Ông Đ1 cũng từ chối mọi quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan đến lô đất số 26 - B2.9 khu dân cư A4, A, quận S, thành phố Đà Nẵng và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M và bà Võ Thị Anh.

Như vậy, việc từ chối nhận di sản thừa kế là sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Đ1 không vi phạm đạo đức, không trái pháp luật thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực văn bản từ chối nhận di sản thừa kế theo quy định nêu trên. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường N1 căn cứ điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP để không thực hiện chứng thực cho ông Nguyễn Văn Đ1 là có sự nhầm lẫn, không chính xác. Ủy ban nhân dân phường N1 nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét thấy có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn M, chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Do đơn kháng cáo của ông Lê Văn M được chấp nhận nên ông Lê Văn M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lý do nêu trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn M. Sửa Bản án số 20/2019/HC-ST ngày 19-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. **Xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn M.

Áp dụng các Điều 98, Điều 99 và Điều 100 Luật đất đai 2013; điểm a, e, g khoản 2 Điều 5; khoản 4 Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ.

Buộc Ủy ban nhân dân quận S phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất tái định cư số B2.9-26, Khu dân cư A4 quận S, thành phố Đà Nẵng cho hộ ông Lê Văn M.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Văn M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn M 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc

thẩm đã nộp theo biên lai số 001927 ngày 01-10-2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ông Lê Văn M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn M 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 001692 ngày 05-4-2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ủy ban nhân dân quận S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29-5-2020./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Cầu